

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘNG LỰC CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ

HO CHI MINH'S THOUGHTS ON THE DRIVING FORCES OF ECONOMIC DEVELOPMENT

LÂM BÁ HÒA

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Hồ Chí Minh quan niệm rằng, muốn phát triển kinh tế cần phải sử dụng một cách linh hoạt, hợp lý và có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế. Bài báo phân tích các động lực theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là: thực hiện tốt vấn đề công bằng xã hội, chế độ tiền lương, tiền thưởng hợp lý, sử dụng có hiệu quả chính sách khoán, thực hành tiết kiệm, huy động nguồn vốn nội lực, cải cách hành chính, thực hiện công bằng trong phân phối,... nhằm giúp cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh, mạnh và vững chắc.

ABSTRACT

Ho Chi Minh assumed that economic leverages had to be used reasonably, flexibly and effectively. This paper analyses the motive powers in Ho Chi Minh's thoughts including maintaining social equality, applying reasonable salary and bonus incentive mechanism, using effective job wage regulations, practicing economy, mobilizing internal capital sources, reforming administration, supplying equally and rationally... in order to encourage quick, strong and steady developments of the national economy.

1. Đặt vấn đề

Nét chủ đạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, và điểm đặc sắc trong tư duy kinh tế của Người là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, là kinh tế phải luôn gắn liền với chính trị, kinh tế gắn liền với con người, với xã hội. Bởi vậy, trong phát triển kinh tế - xã hội, theo Hồ Chí Minh, phải luôn chú ý tới các *động lực* của quá trình phát triển để nhằm tạo ra sự phát triển hài hoà và cân đối giữa các mặt kinh tế với chính trị, phát triển một cách hài hòa con người và xã hội.

Hồ Chí Minh cho rằng, việc sử dụng một cách có hiệu quả các *đòn bẩy kinh tế* sẽ là động lực cơ bản nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Điều này càng có ý nghĩa hơn trong giai đoạn hiện nay khi mà Nhà nước ta đang đẩy mạnh thực hiện việc điều tiết chính sách kinh tế vĩ mô trước sự biến động mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về động lực phát triển kinh tế

2.1. Qua hơn hai mươi năm tiến hành công cuộc đổi mới, chúng ta đã thu được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, vị thế và vai trò của đất nước ngày càng được củng cố và nâng cao trên trường quốc tế, đời sống của nhân dân đã có những chuyển biến tích cực. Song, trong giai đoạn đầu của quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nhất là khi chúng ta đã đứng trên con tàu WTO để tiến ra biển lớn thì những hạn chế trong việc điều tiết chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là việc

chưa tận dụng tốt những tiềm năng và sức mạnh nội lực sẵn có, đang là bài toán nan giải cho các nhà hoạch định chính sách kinh tế - xã hội, trong đó phải kể đến việc chúng ta chưa sử dụng một cách có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế - động lực của phát triển kinh tế - xã hội. Chính việc này đã và đang là lực cản lớn đối với đất nước ta trên con đường xây dựng, phát triển và hội nhập. Vì vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chí Minh về sử dụng các đòn bẩy kinh tế - động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội là một việc làm thiết nghĩ rất có ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay khi mà toàn Đảng, toàn dân ta đang nỗ lực phấn đấu để đưa nước ra khỏi nước tình trạng của một nước kém phát triển, đồng thời phát huy được hết tiềm năng và sức mạnh của dân tộc.

2.2. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ và toàn thể nhân dân ta rằng, phải làm thế nào để nông thôn tiến kịp thành thị, miền núi tiến kịp miền xuôi về mọi mặt, nền kinh tế phát triển bền vững, tự chủ, đồng bào ai cũng được ấm no, hạnh phúc. Nghĩa là tăng trưởng kinh tế phải luôn luôn gắn liền với tiến bộ xã hội. Cũng theo Người, muốn tăng trưởng kinh tế nhanh, mạnh và vững chắc thì phải sử dụng hợp lý các đòn bẩy kinh tế, muốn đẩy mạnh tiến bộ xã hội, phải thực hiện thi đua yêu nước. Việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế, đối với Người không chỉ là động lực của phát triển kinh tế mà nó còn là chính sách để thực hiện công bằng xã hội. Đây là một trong những nét đặc sắc trong tư duy kinh tế của Hồ Chí Minh. Bởi, công bằng xã hội trong tư tưởng của Người không chỉ biểu hiện như là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà còn là một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, một biện pháp căn bản để thực hiện hoá những giá trị, lý tưởng cao cả của xã hội văn minh, tiến bộ.

Đối với Hồ Chí Minh, việc thực hiện công bằng xã hội luôn là một yêu cầu bức thiết của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong điều kiện kinh tế nước ta còn đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển xã hội. Trong giai đoạn đất nước còn gặp nhiều khó khăn (những năm 60), Hồ Chí Minh đã từng nói rằng: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”. Bởi theo Người, để phát triển kinh tế nhanh, mạnh và vững chắc chúng ta có thể áp dụng các *đòn bẩy kinh tế* - động lực của quá trình phát triển kinh tế như: thực hiện công bằng xã hội, chính sách tiền lương, tiền thưởng, chính sách khoán, thực hành tiết kiệm, huy động nguồn vốn nội lực, cải cách hành chính, thực hiện công bằng trong lưu thông phân phối, v.v...

Thứ nhất, xét về mặt kinh tế, *thực hiện công bằng xã hội*, trước hết cũng là một động lực, một đòn bẩy kinh tế rất quan trọng, có tính quyết định để tăng năng suất lao động xã hội, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải tiến kỹ thuật và cải tiến trong công tác quản lý. Theo Hồ Chí Minh, công bằng xã hội ở đây không phải là thứ công bằng chung chung, không phải là sự cào bằng bình quân chủ nghĩa. Công bằng ở đây là công bằng về quyền công dân, quyền làm chủ xã hội, công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật. Một khi đã thực hiện được công bằng xã hội thì người lao động sẽ nhận rõ được quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với xã hội, đồng thời cũng thể hiện được mối quan hệ hài hoà giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể. Có thể nói, thực hiện công bằng xã hội trong phát triển kinh tế nó chính là động lực để thúc đẩy, phát huy hết mọi tiềm năng, sức mạnh của cá nhân và tập thể trong quá trình lao động sản xuất.

Trong bài phát biểu với cán bộ, học viên Trường Cán bộ công đoàn, ngày 19/01/1957, Hồ Chí Minh đã nói rằng: “Bây giờ anh em mong được lên lương có chính đáng không? Có. Nhưng lương tăng gấp đôi mà hàng đắt, vẫn không ăn thua gì. Nuôi lợn ít mà muốn ăn thịt nhiều là không được”. Và chính Người cũng đã từng nêu lên phương châm: sản xuất phải nhiều, nhanh, tốt, rẻ, để nâng cao năng suất, hiệu quả và để nâng cao mức sống của người lao động. Điều này cho thấy, với Hồ Chí Minh không thể có thứ công bằng mà ở đó ta làm ít hưởng nhiều; trái lại, làm bao nhiêu hưởng bấy nhiêu, không làm không hưởng. Nói cách khác, đồng lương của người lao động nó phải luôn gắn chặt với hiệu quả của công việc. Bởi vì, lương là một trong những thước đo công sức, trình độ, thái độ, ý thức, tinh thần lao động của người lao động. Nâng lương là một trong những biểu hiện của nâng cao mức sống, mức thu nhập của người lao động. Song tiền lương và giá cả hàng hoá cũng tăng theo tỷ lệ thuận, thậm chí tốc độ tăng giá cao hơn, rõ ràng đây là một nghịch lý, bởi nó không giúp tăng mức sống của người lao động mà còn kéo mức sống thụt lùi. Điều đó cũng nói lên rằng sản xuất không tăng, kinh tế kém phát triển. Như vậy, theo Hồ Chí Minh chính sách tiền lương cũng là một trong những động lực quan trọng của phát triển kinh tế. Bởi, như trên đã nói, tiền lương chính là thước đo của giá trị sức lao động mà người lao động đã bỏ ra. Và nếu đồng lương không tương xứng với giá trị sức lao động thì những tư liệu sinh hoạt cần thiết của người lao động cũng không được đáp ứng. Điều này sẽ dẫn tới việc đánh mất đi động lực của quá trình sản xuất, và nền kinh tế tất yếu sẽ bị ngưng trệ. Không chỉ vậy, tiền lương không thích hợp nó còn là một trong những nguyên nhân của rất nhiều căn bệnh như tham ô, tham nhũng.

Thứ hai, không chỉ có tiền lương, *chính sách khoán* cũng là một trong những đòn bẩy kinh tế đem lại lợi ích cho tập thể và người lao động. Khi nói về chế độ làm khoán Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng. Công nhân sản xuất ra nhiều vải, cố gắng nhiều hưởng được nhiều; làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới xã hội ta hiện nay. Nếu người công nhân nào thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu tinh thần kỷ luật thì làm cho mau nhưng không tốt, như vậy là không đúng và làm khoán phải nâng cao số lượng, nhưng luôn luôn phải giữ chất lượng”. Với một đoạn văn ngắn gọn, dễ hiểu, Hồ Chí Minh đã trình bày một cách khái quát và hàm súc vai trò đòn bẩy kinh tế của chế độ khoán đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Chúng ta cũng cần khẳng định thêm rằng, chế độ làm khoán ở đây là chế độ khoán sản phẩm, chứ không phải khoán trắng, bởi, trên thực tế yếu tố chất lượng và yếu tố số lượng phải luôn đi đôi với nhau, trong đó yếu tố chất lượng là yếu tố hàng đầu. Theo Hồ Chí Minh, giá trị của khoán sản phẩm không chỉ đem lại lợi ích về thu nhập, mà chủ yếu và sâu xa là sự tiến bộ của công nhân và phát triển của nhà máy, đặc biệt nó còn có ý nghĩa giáo dục tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động. Hay nói cách khác, khoán là biện pháp tích cực để giáo dục và xây dựng tác phong công nghiệp cho người lao động. Chúng ta nói khoán là đòn bẩy kinh tế bởi vì, nó có ý nghĩa khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu

quả kinh tế. Quay trở lại với phương châm “nhiều, nhanh, tốt, rẻ”, của Hồ Chí Minh chúng ta thấy rằng, khoán vừa là biện pháp vừa là động lực trong việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế của Người. Qua thực tiễn sản xuất, vai trò đòn bẩy kinh tế và tính hiệu quả của chế độ khoán càng được thể hiện rõ nét. Không chỉ trong sản xuất, trong hoạt động kinh tế, chế độ khoán còn áp dụng tốt trong các lĩnh vực hoạt động phi sản xuất, kể cả lĩnh vực hành chính trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba, ngoài chế độ tiền lương, khoán, thì *thực hành tiết kiệm* cũng là một trong những đòn bẩy kinh tế quan trọng. Hồ Chí Minh luôn kêu gọi mọi người phải thực hành tiết kiệm và phê phán mạnh mẽ thói xa hoa, lãng phí. Người cho rằng, lãng phí cũng là một căn bệnh, là tội lỗi đối với Đảng, với Nhà nước, và đối với nhân dân. Sự lãng phí gây ra rất nhiều tai hại trước mắt và hậu quả lâu dài. Trong rất nhiều bài viết, bài nói chuyện của mình Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng phê phán thói lãng phí, sự không minh bạch về tài chính. Người viết: “Đúng, chế độ chi tiêu của Nhà nước là một sự “ràng buộc”, nhưng đó là một sự ràng buộc rất cần thiết và rất hay. Nó ràng buộc những kẻ phung phí, những người thích phô trương. Nó ràng buộc cả những người chỉ biết việc trước mắt mà không thấy việc lâu dài. Chỉ biết việc của bộ phận mình mà không thấy việc chung của cả nước. Nhưng chính nhờ đó mà nó lại chặt xiềng, chấp cánh cho kinh tế nước ta tiến lên như ngựa thần trên con đường xã hội chủ nghĩa. Nó giúp ta dành dụm từng đồng xu thành những số vốn lớn. Nó vít kín các lỗ thủng, các khe hở, không để của cải dành dụm của chúng ta hao hụt phân tán. Như vậy mới dồn được phần lớn vốn của Nhà nước vào việc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa”.

Thứ tư, theo Hồ Chí Minh, ngoài tiết kiệm để tích lũy vốn, phục vụ sản xuất thì việc *huy động vốn* trong dân cũng là một trong những biện pháp hữu hiệu trong các đòn bẩy kinh tế. Theo Người, đồng tiền dính với hoạt động của tất cả các ngành. Vì vậy, các ngành, các tổ chức kinh tế, các cơ quan nhà nước cùng toàn thể nhân dân phải biết sử dụng đồng tiền cho tốt... Một đồng vốn bỏ ra phải đảm bảo tăng thêm của cải cho xã hội, phải luân chuyển nhanh, đừng để tồn đọng. Phải tích cực huy động tiền nhàn rỗi để bỏ vào sản xuất. Khi nói về vấn đề này Hồ Chí Minh yêu cầu: huy động tiền nhàn rỗi trong dân là nhằm đưa vào sản xuất, thì đồng tiền ấy mới sinh sôi, nảy nở ngày càng thêm nhiều. Về góc độ kinh tế, con người muốn làm chủ nền kinh tế mới thì phải học cách quản lý và sử dụng tiền sao cho hợp lý, đem lại lợi ích cho công cuộc kiến thiết nước nhà, nâng cao mức sống của nhân dân. Mặt khác, pháp luật của Nhà nước là hành lang ngăn chặn các hành vi lãng phí, tham ô, tham nhũng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thứ năm, như trên đã nói, chính sách tiền lương tốt là một trong những điều kiện chống lãng phí, tham ô, tham nhũng có hiệu quả. Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: giảm đến mức tối thiểu số người làm việc hành chính, tăng cường lực lượng cho sản xuất trực tiếp. Bởi vậy, *cải cách hành chính* cũng là một trong những động lực rất có ý nghĩa của phát triển kinh tế. Bộ máy hành chính nhà nước càng phình ra bao nhiêu thì trở thành gánh nặng cho ngân sách nhà nước bấy nhiêu. Lượng tiền bỏ ra chi cho khối hành chính càng lớn, thì lượng tiền đưa vào sản xuất càng hạn chế. Đó là chưa kể sự thất thoát đồng

tiền qua việc mua sắm những thứ đắt tiền không cần thiết, xây dựng trụ sở tiêu tốn nhiều tiền của công quỹ. Cải cách hành chính là đòn bẩy kinh tế, vì cải cách hành chính như một biện pháp tiết kiệm sức người, sức của. Mấu chốt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như Hồ Chí Minh đã khẳng định: đó là tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và tiến hành công nghiệp hoá nước nhà. Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm theo Hồ Chí Minh luôn luôn là những nhiệm vụ hàng đầu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cải cách hành chính thực chất cũng nhằm thực thi hai nhiệm vụ là tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Khi nói về vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Gián tiếp sản xuất cũng cần. Phải có người làm bàn giấy, tính toán, đánh máy...mới phục vụ cho người trực tiếp sản xuất, nhưng nhiều quá có bao nhiêu lãi chén hết. Bây giờ nhà máy số gián tiếp sản xuất còn nhiều quá”. Như vậy, việc giảm cán bộ gián tiếp của bộ máy quản lý thực chất là cải cách hành chính, là công việc phải làm thường xuyên, để làm cho bộ máy nhà nước không rơi vào tình trạng quá công kênh, gây lãng phí sức người, sức của, trở thành gọn nhẹ mà công việc vẫn được thực hiện một cách có hiệu quả.

Thứ sáu, thực hiện công bằng xã hội trong lưu thông phân phối cũng là động lực của phát triển kinh tế. Bởi vì, tổ chức lưu thông phân phối cũng góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế. Hoạt động lưu thông phân phối không thể thiếu được trong nền kinh tế. Hồ Chí Minh đã từng nói: “Trong nền kinh tế quốc dân có ba mặt quan trọng: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp. Ba mặt công tác liên hệ mật thiết với nhau. Thương nghiệp là cái khâu giữa nông nghiệp và công nghiệp. Thương nghiệp đưa hàng đến nông thôn phục vụ nông dân; thương nghiệp lại đưa nông sản, nguyên liệu cho thành thị tiêu dùng. Nếu khâu thương nghiệp bị đứt thì không liên kết được nông nghiệp với công nghiệp, không cũng cố được công nông liên minh. Công thương nghiệp không chạy thì hoạt động nông nghiệp, công nghiệp sẽ bị rời rạc”.

Cũng như trong quá trình sản xuất, đồng vốn không được để ứ đọng thì quá trình lưu thông phân phối cũng không được để ách tắc. Như cơ thể con người, muốn khỏe mạnh thời phải thông khí huyết, bé là sinh bệnh tật, thứ bệnh của lưu thông phân phối gây bế tắc là bệnh đầu cơ tích trữ. Người phân tích: “Tệ nạn phải chống là bọn đầu cơ tích trữ. Đảng, Chính phủ và mật dịch cung cấp hàng cho dân, nhưng một số hàng không đến tay dân mà bị bọn đầu cơ lợi dụng như vải, thuốc tây...Có thứ thuốc mật dịch bán 500đ một viên mà bọn đầu cơ bán 2500đ. Thật là nó lợi dụng đồng bào ốm để làm giàu, như thế là rất đáng phản đối. Muốn chống bọn đầu cơ thì không riêng gì công an, công thương, mật dịch mà tất cả cán bộ, công nhân, nhân dân đều phải chống cả, vì cán bộ nhân dân có hàng triệu tai, mắt mới làm được để hàng hóa đến tay nhân dân”. Như vậy, lưu thông phân phối tốt, thì nền kinh tế khỏe, vững và sản xuất không ngừng phát triển.

Trên đây là những luận điểm cơ bản nhất của Hồ Chí Minh khi bàn về động lực của quá phát triển kinh tế - xã hội. Chính những động lực này là nhân tố quan trọng góp phần làm cho nền kinh tế nước ta vượt qua được những khó khăn thử thách, đặc biệt trong thời kỳ đất nước có chiến tranh. Theo Hồ Chí Minh, với việc sử dụng một cách

linh hoạt, hợp lý và có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế trong phát triển kinh tế nó không chỉ là động lực thúc đẩy đất nước phát triển, mà cao hơn nữa là tiến tới xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

3. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sử dụng các đòn bẩy kinh tế - động lực quan trọng trong phát triển kinh tế không chỉ khẳng định nguyên tắc nhất quán trong tư tưởng kinh tế của Người, mà nó còn thể hiện một kiểu tư duy kinh tế mang tính tổng hợp, toàn diện song cũng rất cụ thể, linh hoạt. Lý luận của Hồ Chí Minh vừa giản dị nhưng cũng rất sắc bén, luôn đặt các sự vật và hiện tượng trong mối quan hệ biện chứng. Đó chính là mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với ổn định chính trị, phát triển kinh tế gắn liền với việc phát triển con người và ổn định xã hội. Nói cụ thể hơn, đó chính là mối quan hệ hài hoà giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội.

Ngày nay, khi học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, chúng ta không thể không nói đến tư tưởng của Người về việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi mà Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân ta đã và đang nỗ lực nhằm kìm chế lạm phát, giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế và giữ cho con tàu kinh tế Việt Nam đứng vững trước những đợt sóng khủng hoảng của nền kinh tế thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [2] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.